CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây dựng số 3 Hải Phòng

Ngày 30/09/2025	26,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.9%	**-3.7%**	**1.7%**

DT thuần
Q3/25
20.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.50| 36.5%
YoY: ▼0.20| -1.1%

LN thuần
Q3/25
20.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.5| 292%
YoY: ▲ 11.6| 125%

LN sau thuế
Q3/25
18.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.9| 188%
YoY: ▲ 11.0| 149%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
110%
YoY: +/-▲ 62.3%

ROE (TTM)
Q3/25
5.2%
YoY: +/-▲ 1.5%

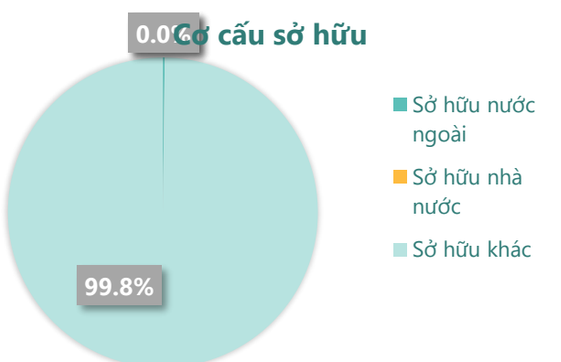
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	23,240 - 29,314
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	538
Số lượng CPLH (CP)	20,685,717
KLGD BQ 20 phiên (CP)	605
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.08)
EPS	1,779
P/E	14.6

DT thuần
9T 2025
50.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.60| -11.7%

LN thuần
9T 2025
33.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.80| -10.1%

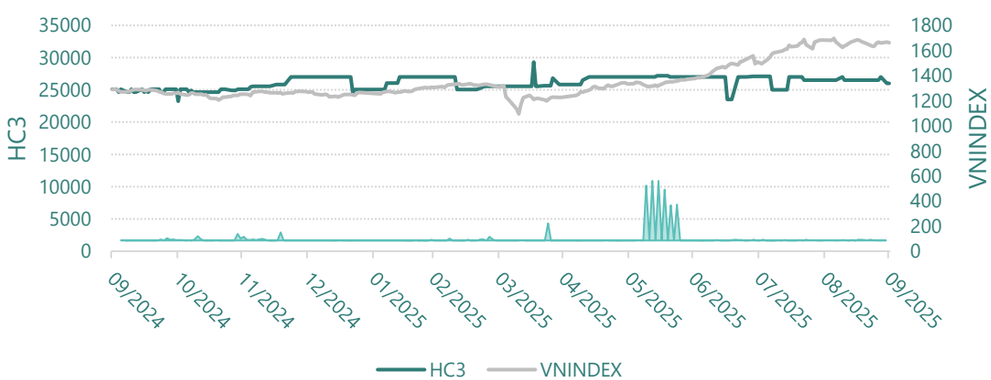
LN sau thuế
9T 2025
31.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.40| 1.4%

Cơ cấu sở hữu

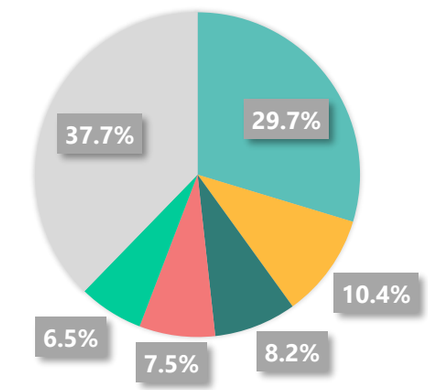


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



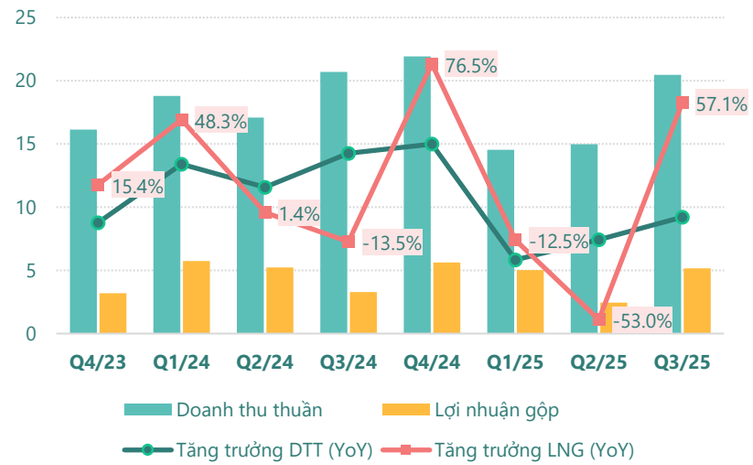
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

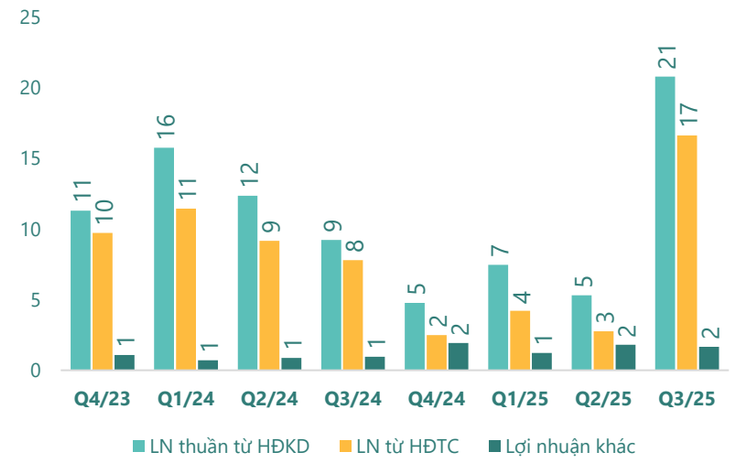
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



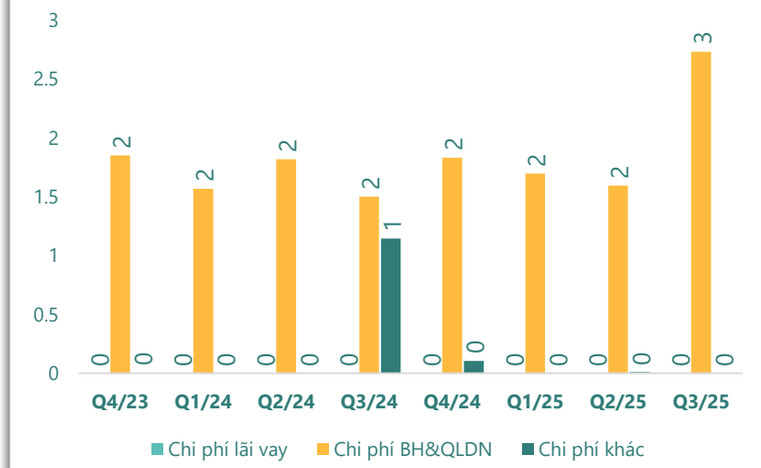
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



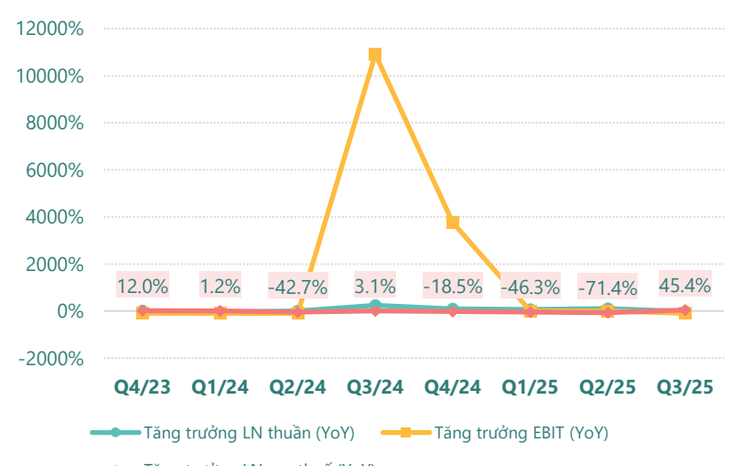
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



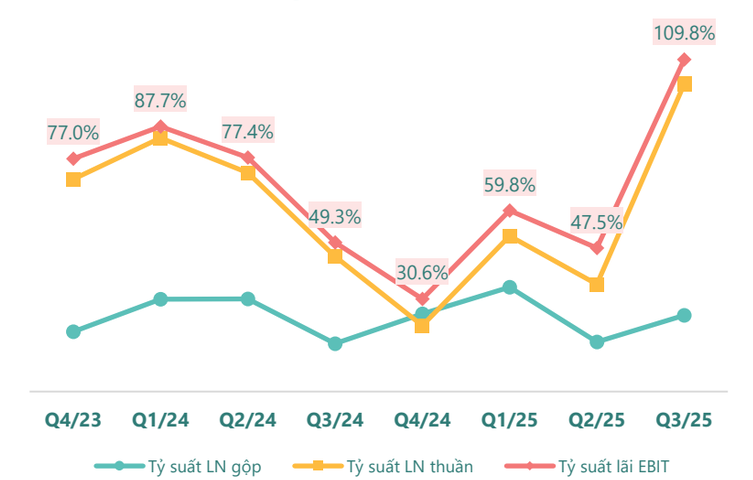
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



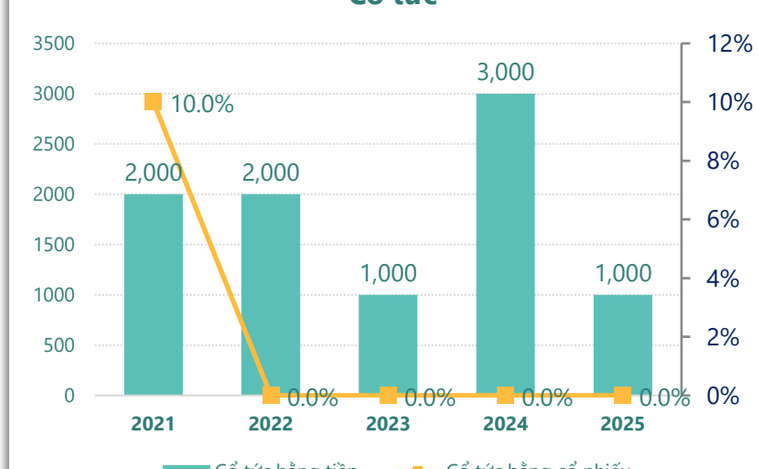
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



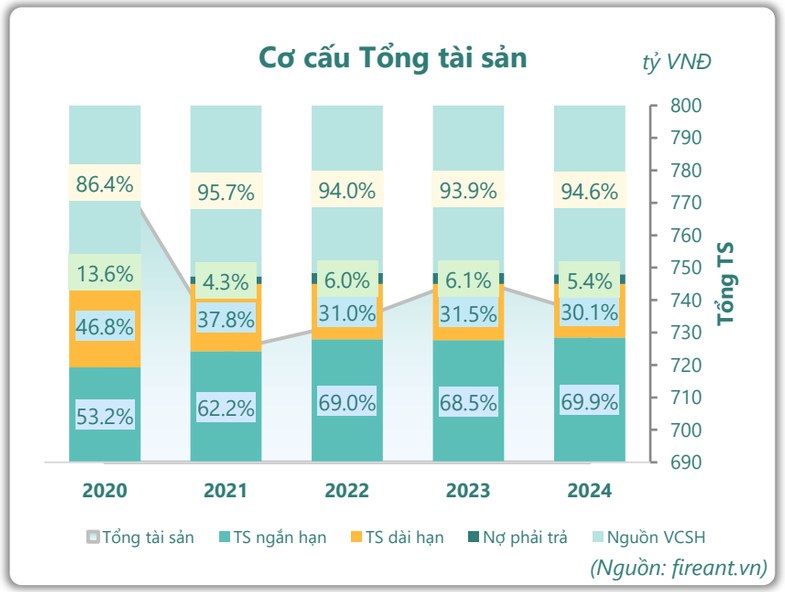
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

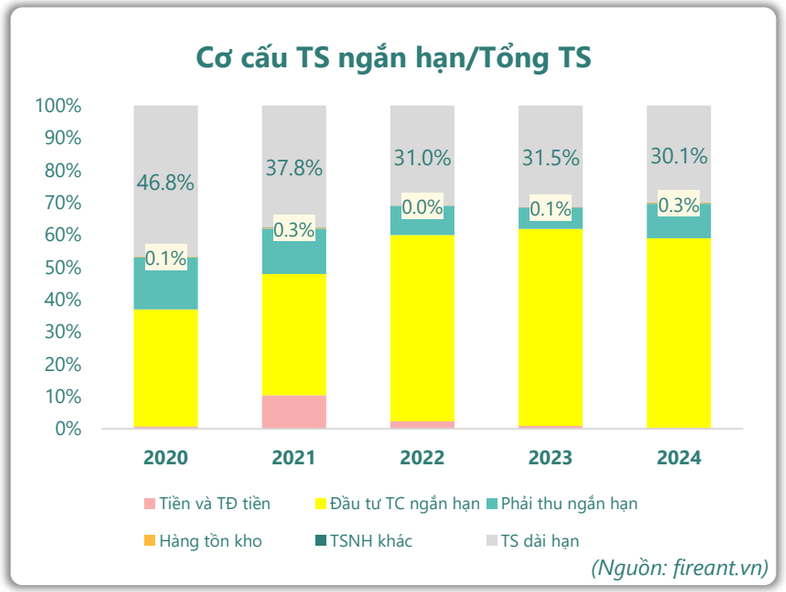


(Nguồn: fireant.vn)

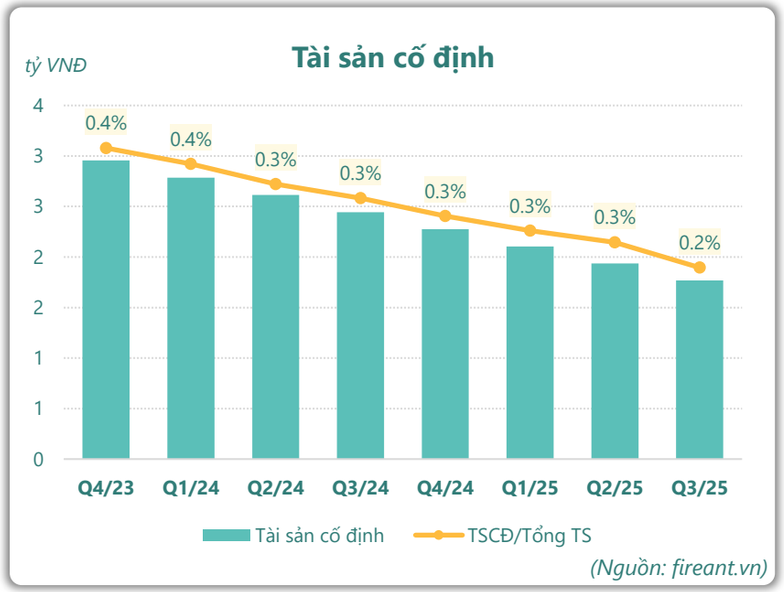
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



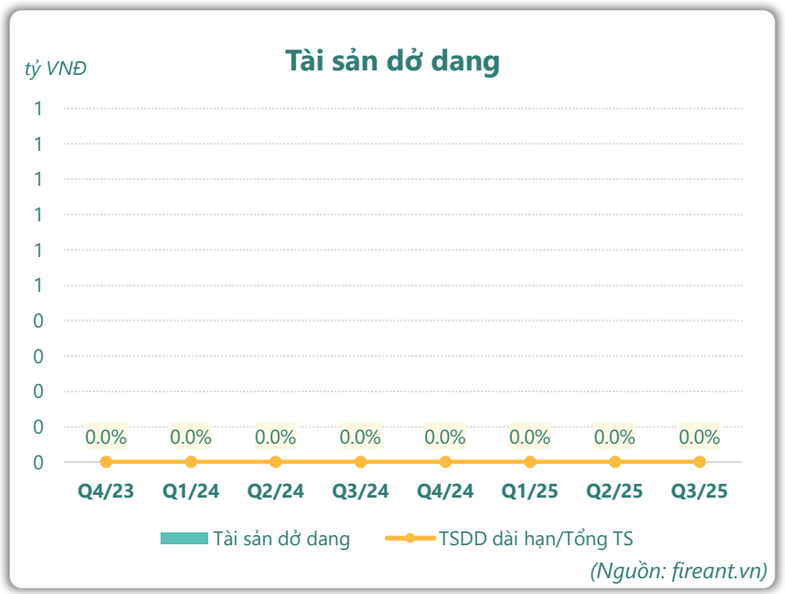
(Nguồn: fireant.vn)



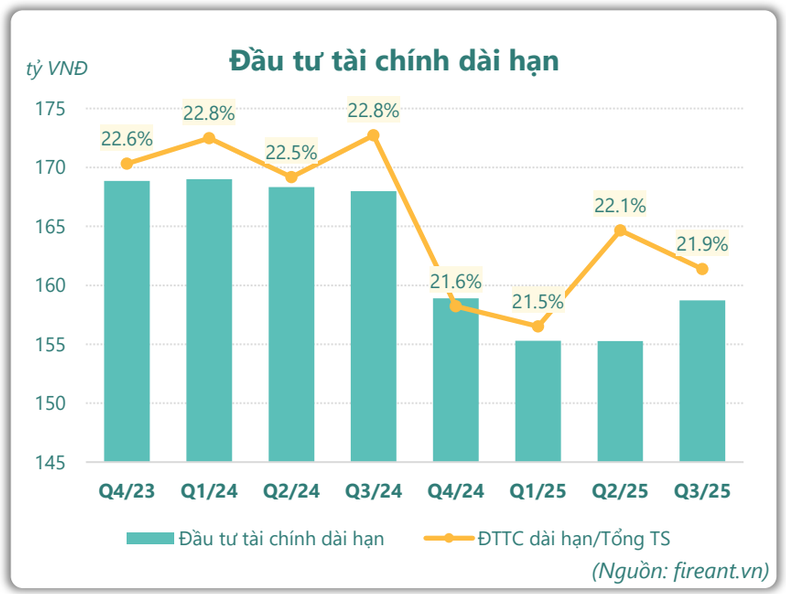
(Nguồn: fireant.vn)



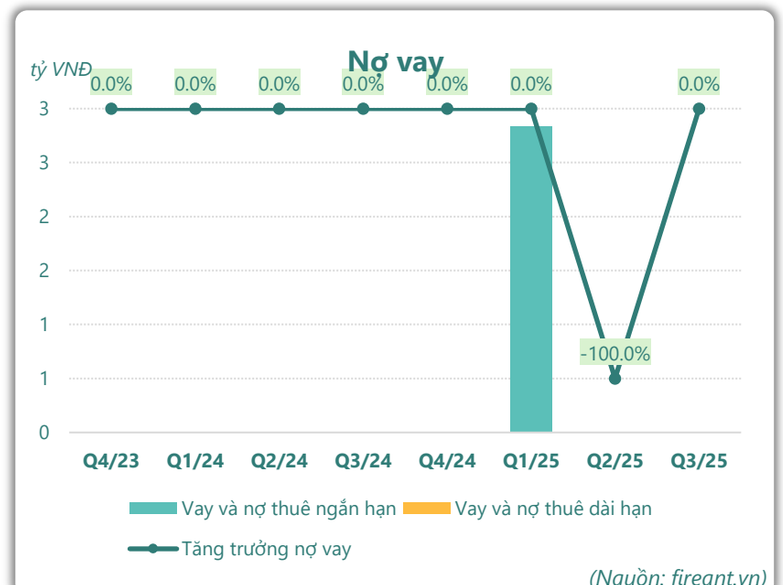
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



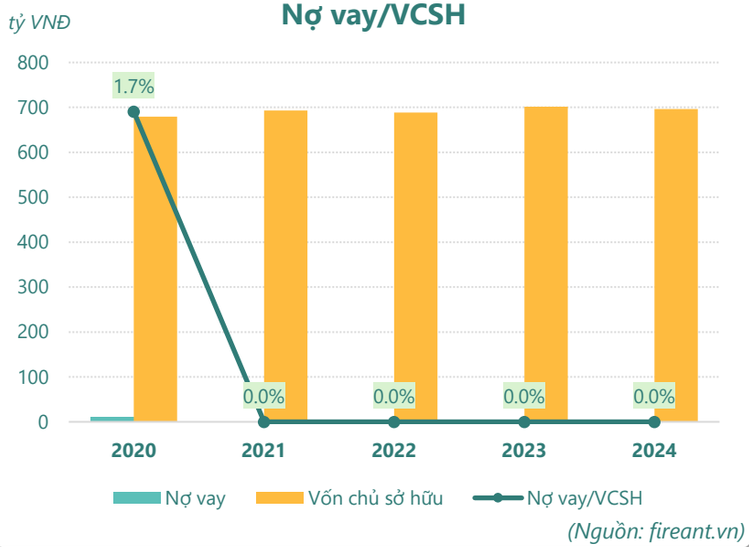
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

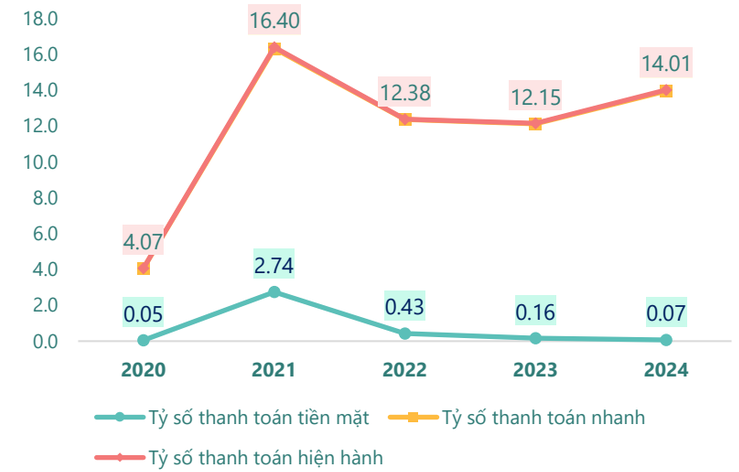
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



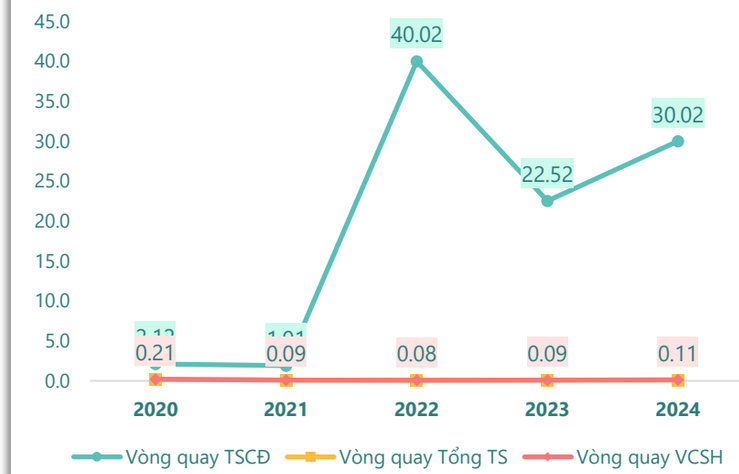
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



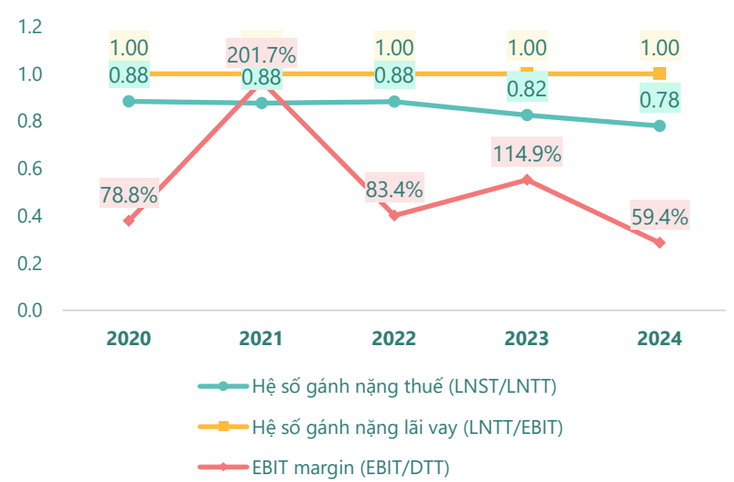
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



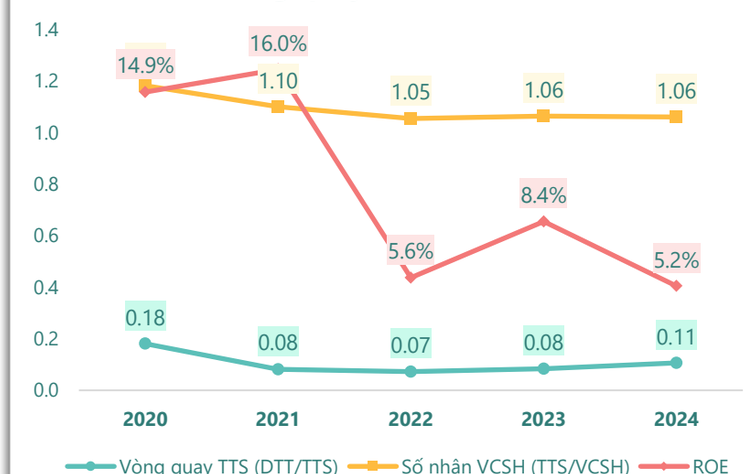
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



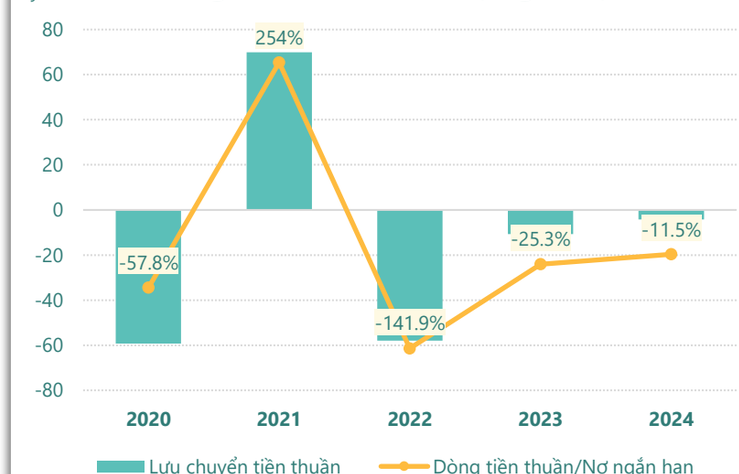
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**20.5**	**20.7**	**-1.1%**	**50.0**	**56.6**	**-11.7%**
Giá vốn hàng bán	15.3	17.4	-12.0%	37.4	42.3	-11.8%
Lợi nhuận gộp	5.15	3.28	57.2%	12.6	14.2	-11.4%
Doanh thu HĐTC	10.1	8.85	14.0%	22.6	26.4	-14.4%
Chi phí TC	-6.56	1.04	-731%	-1.04	-2.05	49.4%
Chi phí lãi vay	0.00	0.00		0.00	0.00	1913%
LN trong công ty LKLD	**1.75**	**-0.35**	**599%**	**3.37**	**-0.41**	**917%**
Chi phí bán hàng	0.72	0.08	798%	0.91	0.22	313%
Chi phí QLDN	**2.02**	**1.42**	**42.0%**	**5.12**	**4.67**	**9.6%**
LN thuần từ HĐKD	20.8	9.25	125%	33.6	37.4	-10.1%
Lợi nhuận khác	**1.66**	**0.96**	**73.2%**	**4.69**	**2.54**	**84.7%**
LN trước thuế	22.5	10.2	120%	38.3	39.9	-4.1%
Lợi nhuận sau thuế	**18.3**	**7.35**	**149%**	**31.6**	**31.2**	**1.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**18.3**	**7.35**	**149%**	**31.6**	**31.2**	**1.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-16.5	15.2	-49.1	-11.1	-2.24	49.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.7	-15.9	49.6	23.6	26.9	-46.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.39	0.39	0	-13.0	-23.5	0
Tiền đầu kỳ	7.46	2.25	1.92	2.47	2.02	3.15
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.21**	**-0.33**	**0.55**	**-0.45**	**1.13**	**2.95**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	2.25	1.92	2.47	2.02	3.15	6.11

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**726**	**736**	**-1.3%**
Tài sản ngắn hạn	505	515	-1.8%
Tiền và tương đương tiền	6.11	2.47	147%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	427	431	-0.9%
Phải thu ngắn hạn	69.6	78.5	-11.3%
Hàng tồn kho	2.14	1.90	12.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.25	0.29	-14.0%
Tài sản dài hạn	**220**	**221**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.77	2.27	-22.2%
Bất động sản đầu tư	50.4	54.3	-7.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	159	157	1.1%
Tài sản dài hạn khác	**9.56**	**7.51**	**27.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	22.4	39.6	-43.4%
Nợ ngắn hạn	**20.0**	**36.7**	**-45.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.89	0.71	24.4%
Nợ dài hạn	2.44	2.83	-13.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**704**	**696**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**704**	**696**	**1.1%**
Vốn điều lệ	207	207	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)